TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2017
V/v ly hôn giữa anh Đ và chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Bảy;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Mai Minh Đ, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn TT, xã QA, huyện QS, tỉnh QN. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn TT, xã QA, huyện QS, tỉnh QN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – anh Mai Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn vào ngày 19/7/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QA, huyện QS, tỉnh QN. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Từ năm 2016, qua nắm thông tin từ những người quen, anh Đ nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình nên giữa vợ chồng nãy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Anh Đ đã vì con bỏ qua để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Mai Thục T, sinh ngày 30/9/2007 và Mai An P, sinh ngày 03/8/2011. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao cho anh và chị L mỗi người nuôi mỗi cháu thì anh Đ thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị L.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L thống nhất với lời trình bày của Đ về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, chị L cho rằng anh Đ khi còn làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh có ngoại tình với người phụ nữ khác, chị không ngoại tình như lời anh Đ trình bày. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh Đ, nhưng các con còn nhỏ nên anh Đ xin ly hôn chị không đồng ý mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung như lời anh Đ trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về chia tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Mai Minh Đ; về con chung: Giao cháu Mai Thục T cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Mai An P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Mai Minh Đ có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn TT, xã QA, huyện QS, tỉnh QN. Nay, anh Đ khởi kiện xin ly hôn với chị L, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp*"Ly hôn",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã QA, huyện QS, tỉnh QN cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 21 ngày 19 tháng 7 năm 2005. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Từ năm 2016, anh Đ nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình nên giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng chị không ngoại tình như anh Đ trình bày, nhưng chị không còn tình cảm với anh Đ. Tại phiên hòa giải ngày 21/8/2017, chị L đã thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng vì các con còn nhỏ nên ngày 25/8/2017 chị có đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận, yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh Đ vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Thục T và Mai An P. Anh Đ, chị L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, nhưng xét về quyền lợi mọi mặt của các con thì thấy: Cháu T đã đủ 07 tuổi, cháu có nguyện vọng ở với anh Đ nên cần tôn trọng sự lựa chọn của cháu; cháu P đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu. Về điều kiện nuôi con: Tại các biên bản xác minh lập ngày 14/8/2017, trưởng TT ông Giang NX và Ủy ban nhân dân Xã QA xác nhận anh Đ thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng, chị L thu nhập trung bình mỗi tháng 2.500.000 đồng – 3.000.000

đồng, nên anh Đ và chị L có đủ điều kiện để nuôi con. Chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh Đ thống nhất nên cần công nhận sự thỏa thuận trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Mai Thục T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai An P cho chị L trực trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai An P mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh Mai Minh Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28 và các Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Mai Minh Đ và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Mai Thục T, sinh ngày 30/9/2007 cho anh Mai Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Giao cháu Mai An P, sinh ngày 03/8/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 đến khi cháu P đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3. Anh Đ, chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con chung 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, tổng số tiền án phí là 600.000 *(Sáu trăm nghìn)* đồng anh Mai Minh Đ phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Đ đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006462 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Anh Đ phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

4. Về thi hành án và nghĩa vụ do chậm thi hành án:

4.1. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2017).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND Xã QA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thọ